TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10**/2021/DS-ST
Ngày: 08/7/2021
V/v: Tranh chấp về hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Trần Thị Thương Huyền**;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Hoàng Cúc Phương**

Ông **Nguyễn Bình Minh**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Quàng Văn Long** - Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2021/TLST- DS ngày 30 tháng 11 năm 2020 về Tranh chấp về hợp đồng tín dụng; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 16 ngày 15/6/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng A;** Địa chỉ trụ sở chính: Số 2, đường Láng Hạ, phường T C, quận B Đ, thành phố H; *Người đại diện pháp luật:* Ông **T V T**- Chức vụ: Tổng giám đốc;

- *Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:* Bà **T D D (tên gọi khác Thào Thị D) -** Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát trNgân hàng A; Địa chỉ: Số 546, tổ dân phố 1, phường T T, thành phố Đ B P, tỉnh Đ;

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà* **T D D (tên gọi khác Thào Thị D):** Bà **Trần Thị H**- Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh Ngân hàng A TPĐ B P. (*Quyết định về việc ủy quyền số 2965/QĐ-HĐTV-PC ngày 27/12/2019 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Agribank; Giấy ủy quyền số 36/GUQ-NHNoĐB-TH ngày 17/11/2020 của Giám đốc Ngân hàng A T P Đ B P*- Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn:

Bà **Nguyễn Thị M**; Địa chỉ: Số nhà 15, tổ dân phố 09, phường H L, thành phố Đ b P, tỉnh Đ - Có mặt tại phiên tòa;

Ông **Nguyễn Văn D**; Địa chỉ: Số nhà 15, tổ dân phố 09, phường H L, thành phố Đ b P, tỉnh Đ; Công tác tại: Công an thị xã M L, tỉnh Đ-Vắng mặt không có lý

do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 17/11/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng A - Chi nhánh TP Đ B P (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) có cho bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn D - cùng địa chỉ; Tổ dân phố 09, phường H L, thành phố Đ b P, tỉnh Đ và tổ dân phố 4, phường H L, thành phố Đ b P, tỉnh Đ vay vốn theo hợp đồng tín dụng sau:

1.1. Hợp đồng tín dụng số: 8912-LAV-201601152 ngày 15/07/2016 đã ký giữa Ngân hàng A T P Đ B P- Phòng giao dịch Him Lam và bà Nguyễn Thị M.

- Thời hạn vay 5 năm; phương thức vay từng lần; Số tiền cho vay tối đa đã ký trên Hợp đồng tín dụng là: 1.700.000.000 đồng.

- Mục đích sử dụng tiền vay: Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất (Theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 15/07/2016. Số công chứng 2038/2016. Quyển số 01-TP/CC-SCC/HĐ-CN tại Văn phòng công chứng Xuân Phúc.

- Phân kỳ trả nợ cụ thể như sau: Ngày 15/07/2017, số tiền gốc là: 150.000.000 đồng; Ngày 15/07/2018, số tiền gốc là: 150.000.000 đồng; Ngày 15/07/2019, số tiền gốc là: 200.000.000 đồng; Ngày 15/07/2020, số tiền gốc là: 200.000.000 đồng ; Ngày 15/07/2021, số tiền gốc là: 1.000.000.000 đồng.

Dư nợ gốc chưa trả: 1.400.000.000 đồng (Một tỉ, bốn trăm triệu đồng).

1.2: Hợp đồng tín dụng số: 8912-LAV-201601938 ngày 15/11/2016 đã ký giữa Ngân hàng A T P Đ B Pvà bà: Nguyễn Thị M.

- Thời hạn vay 3 năm; phương thức vay từng lần; Số tiền cho vay tối đa đã ký trên Hợp đồng tín dụng là: 300.000.000 đồng.

- Mục đích sử dụng tiền vay: Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất (Theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 15/07/2016. Số công chứng 2038/2016. Quyển số 01-TP/CC-SCC/HĐ-CN tại Văn phòng công chứng Xuân Phúc.

- Phân kỳ trả nợ cụ thể như sau: Ngày 15/11/2017, số tiền gốc là: 50.000.000 đồng; Ngày 15/11/2018, số tiền gốc là: 100.000.000 đồng; Ngày 15/11/2019, số tiền gốc là: 150.000.000 đồng;

Dư nợ gốc chưa trả: 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

1.3. Hợp đồng tín dụng số: 8912-LAV-201702012 ngày 09/11/2017 đã ký giữa Ngân hàng A T P Đ B Pvà bà: Nguyễn Thị M.

- Thời hạn vay 5 năm; phương thức vay từng lần; Số tiền cho vay tối đa đã ký trên Hợp đồng tín dụng là: 550.000.000 đồng.

- Mục đích sử dụng tiền vay: Sửa chữa nhà ở và mua sắm nội thất gia đình.

- Phân kỳ trả nợ cụ thể như sau: Ngày 09/11/2018, số tiền gốc là: 100.000.000 đồng; Ngày 09/11/2019, số tiền gốc là: 100.000.000 đồng; Ngày 09/11/2020, số tiền gốc là: 100.000.000 đồng; Ngày 09/11/2021, số tiền gốc là: 100.000.000 đồng; Ngày 09/11/2022, số tiền gốc là: 150.000.000 đồng;

Dư nợ gốc chưa trả: 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng).

1.4. Hợp đồng tín dụng số: 8912-LAV-201801945 ngày 15/11/2018 đã ký giữa Ngân hàng A T P Đ B Pvà bà: Nguyễn Thị M.

- Thời hạn vay 5 năm; phương thức vay từng lần; Số tiền cho vay tối đa đã ký trên Hợp đồng tín dụng là: 1.200.000.000 đồng.

- Mục đích sử dụng tiền vay: Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất (Theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 31/10/2018. Số công chứng 4687/2018. Quyển số 01-TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Xuân Phúc).

- Phân kỳ trả nợ cụ thể như sau: Ngày 15/11/2019, số tiền gốc là: 100.000.000 đồng; Ngày 15/11/2020, số tiền gốc là: 150.000.000 đồng; Ngày 15/11/2021, số tiền gốc là: 250.000.000 đồng; Ngày 15/11/2022, số tiền gốc là: 300.000.000 đồng; Ngày 15/11/2023, số tiền gốc là: 400.000.000 đồng;

Dư nợ gốc chưa trả: 1.200.000.000 đồng (Một tỉ, hai trăm triệu đồng).

2. Biện pháp bảo đảm

2.1 . Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 107 ngày 21 tháng 07 năm 2015 đã ký giữa Ngân hàng A - Chi nhánh TP Đ B Pvới bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn D.

Giấy tờ chứng mình quyền sở hữu:

- Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AB440735 do UBND thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên cấp ngày 19/04/2005. Số vào sổ cấp GCN: H00810/QSDĐ, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Vân phòng đăng ký đất đai Thành phố Điện Biên Phủ ngày 21/7/2015.

2.2. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 69/HĐTC ngày 05 tháng 11 năm 2015 đã ký giữa Ngân hàng A T P Đ B Pvới bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn D.

**** Giấy tờ chứng minh quyền sở hữu:*** Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 066305 do UBND thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên cấp ngày 26/10/2015. Số vào sổ cấp GCN: CH 28737, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố Điện Biên Phủ ngày 06/11/2015.

3. Việc vi phạm nghĩa vụ:

Tổng số tiền bị đơn phải trả cho Ngân hàng tạm tính đến ngày 16/11/2020 3.867.156.660 đồng *(Ba tỷ, tám trăm sáu mươi bảy triệu, một trăm năm mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi đồng*). Trong đó:

Nợ gốc là: 3.200.000.000 đồng *(Bằng chữ: Ba tỷ, hai trăm triệu đồng);*

Nợ lãi trong hạn + quá hạn tạm tính là: 667.156.660 đồng *(Bằng chữ: Sáu trăm sáu mươi bẩy triệu, một trăm năm mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi đồng).*

Chi tiết như sau:

ST T	Số hợp đồng	Ngày vay	Nợ gốc đến 17/11/2020	Tổng lãi phải trả đến 1711/2020			Số phải trả NH đến 17/11/2020
				Lãi phải trả	Lãi trong hạn (11.5 % Năm)	Lãi quá hạn (5.75%/Năm)	
7	2	3	4	5= ố+7	6	7	8
1	8912LAV201601152	15/07/2016	1,400,000,000	288,458,332	268,780,554	19,677,778	1,708,136,110
2	8912LAV201601938	15/11/2016	150,000,000	28,558,333	19,741,666	8,816,667	187,375,000
3	8912LAV201702012	09/11/2017	450,000,000	84,501,371	78,515,069	5,986,302	540,487,673
4	8912LAV201801945	15/11/2018	1,200,000,000	225,336,986	219,516,095	5,820,891	1,431,157,877
	Tổng cộng		**3,200,000,000**	**626,855,022**	**586,553,384**	**40,301,638**	**3,867,156,660**

Ngân hàng A - Chi nhánh TP Đ B Pđã nhiêu lần làm việc trực tiếp và có biên bản làm việc yêu cầu bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn D thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên theo các Hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên nhưng bà M và ông D vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ toàn bộp nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Đến nay Ngân hàng A - Chi nhánh TP Đ B Pyêu cầu bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn D thực hiện nghĩa vụ tại Điều 2 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 107 ngày 21/07/2015 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 69/HĐTC ngày 05 tháng 11 năm 2015 đã ký giữa Ngân hàng A - Chi nhánh TP Đ B Pvới bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn D. Tuy nhiên tính đến nay, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn D vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi cho Agribank, liên tiếp vi phạm nghĩa vụ đã cam kết với Agribank, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Agribank khoản nợ nêu trên làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Agribank.

Agribank yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ giải quyết những vấn đề sau:

- Buộc bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn D phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Agribank toàn bộ số tiền tạm tính đến ngày 16/11/2020 là 3.867.156.660 đồng (Ba tỷ tám trăm sáu mươi bảy triệu, một trăm năm mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi đồng). Trong đó:

+ Nợ gốc là: 3.200.000.000 đồng *(Bằng chữ: Ba tỷ, hai trăm triệu đồng).*

+ Nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn: 667.156.660 *(Sáu trăm sáu mươi bảy triệu, một trăm năm mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi đồng).*

Theo các Hợp đồng tín dụng sau:

+ Hợp đồng tín dụng số: 8912-LAV-201601152 ngày 15/07/2016, số tiền: 1.400.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm triệu đồng chẵn);

+ Hợp đồng tín dụng số: 8912-LAV-201601938 ngày 15/11/2016, số tiền gốc: 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng);

+ Hợp đồng tín dụng số: 8912-LAV-201702012 ngày 09/11/2017, số tiền gốc: 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng);

+ Hợp đồng tín dụng số: 8912-LAV-201801945 ngày 15/11/2018, số tiền gốc: 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng).

Nợ lãi trong hạn + nợ lãi quá hạn tính là: 667.156.660 (Sáu trăm sáu mươi bảy triệu, một trăm năm mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi đồng).

Chi tiết nợ lãi theo các Hợp đồng tín dụng sau:

+ Hợp đồng tín dụng số: 8912-LAV-201601152 ngày 15/7/2016, số tiền lãi phải trả tạm tính đến ngày 17/11/2020: 228.458.333 đồng. Trong đó: Lãi trong hạn là: 268.780.554; Lãi quá hạn là: 19.677.778 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng số: 8912-LAV-201601938 ngày 15/11/2016, số tiền lãi phải trả tạm tính đến ngày 17/11/2020: 28.558.333 đồng. Trong đó: Lãi trong hạn là: 19.741.666 đồng; Lãi quá hạn là: 8.816.667 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng số: 8912-LAV-201702012 ngày 09/11/2017, số tiền lãi phải trả tạm tính đến ngày 17/11/2020: 84.501.371 đồng. Trong đó: Lãi trong hạn là: 78.515.069 đồng; Lãi quá hạn là: 5.986.302 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng số: 8912-LAV-201801945 ngày 15/11/2018, số tiền lãi phải trả tạm tính đến ngày 17/11/2020: 225.336.986 đồng. Trong đó: Lãi trong hạn là: 219.516.095 đồng; Lãi quá hạn là: 5.820.891 đồng.

- Buộc bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn D phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi vay trong hạn: 11.5%/năm; Lãi suất quá hạn: 17.25%/năm.

- Yêu cầu bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn D tiếp tục thực hiện Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 107 ngày 21/07/2015 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 69/HĐTC ngày 05 tháng 11 năm 2015 đã ký giữa Agribank Chi nhánh thành phố Điên Biên Phủ với bà Nguyên Thị M và ông Nguyễn Văn D.

Tại phiên tòa Agribank - Chi nhánh thành phố Điên Biên Phủ bổ sung yêu cầu khởi kiện sau:

Buộc bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn D phải trả lãi trong hạn và lãi quá hạn phát sinh tạm tính lãi đến ngày xét xử 08/7/2021 như sau:

ST T	Số hợp đồng	Ngày vay	Nợ gốc đến 08/7/2021	Tổng lãi phải trả đến 08/72021			Số phải trả NH đến 08/7/2021
				Lãi phải trả	Lãi trong hạn (11.5 % Năm)	Lãi quá hạn (5.75%/Năm)	
7	*2*	*3*	*4*	5= ố+7	*6*	*7*	8
1	8912LAV201601152	15/07/2016	1,400,000,000	427.225.000	392.661.111	34.563.889	1.827.225.000
2	8912LAV201601938	15/11/2016	150,000,000	54.121.875	39.722.917	14.398.958	204.121.875
3	8912LAV201702012	09/11/2017	450,000,000	130.863.699	117.536.301	13.327.398	580.863.699
4	8912LAV201801945	15/11/2018	1,200,000,000	328.427.397	313.430.137	14.997.260	1.528.427.397
	Tổng cộng		**3,200,000,000**	**940.637.971**	**863.350.466**	**77.287.505**	**4.140.637.971**

2. ***Tại văn bản trả lời Thông báo thụ lý vụ án ngày 20/01/2021 và quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị M trình bày:***

Bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn D thế chấp vay Agribank – chi nhánh thành Phố Điện Biên Phủ những tài sản sau:

- Thế chấp nhà đất tại Số nhà 40, tổ dân phố 21, phường H L, thành phố Đ b P, tỉnh Đ số tiền vay là 1.800.000.000 đồng (Một tỷ tám trăm triệu đồng).

- Thế chấp nhà đất vay tại Số nhà 15, tổ dân phố 9, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ vay số tiền 1.700.000.000 đồng (Một tỷ bảy trăm triệu đồng).

Trong suốt quá trình vay của Ngân hàng nhiều năm nay, đều trả gốc và lãi đầy đủ khoản vay 1.700.000.000 đồng tôi đã trả 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) theo đúng kỳ hạn. Tôi đề xuất cho vay lãi để tạo điều kiện cho tôi làm ăn nhưng nhân viên tại Ngân hàng không cho vay. Trong lúc rất khó khăn để tôi vực lại việc gia đình, gây khó khăn cho tôi. Việc kinh doanh vé máy bay cũng không phát triển được, do dịch COVID kéo dài. Bên cạnh đó việc làm ăn kinh doanh không có thu nhập. Tôi lại luôn luôn bị ốm đau dẫn đến việc chi trả lãi cho Ngân hàng không thức hiện được. Gia đình tôi đồng ý bán đi 01 căn nhà để trả khoản nợ Ngân hàng trên. Do nhu cầu mua bán gặp khó khăn, gia đình vẫn muốn thu xếp để bán đi 1 ngôi nhà để trả bớt nợ. Ngày 08/01/2021 vợ chồng tôi ra Agribank - chi nhánh thành phố Điên Biên Phủ để xin bàn giao ủy quyền ngôi nhà số nhà 40, tổ dân phố 21, phường Him Lam cho Ngân hàng đứng ra bán nhưng không được đồng ý.

Hiện bà M làm kinh doanh thu nhập không ổn định và phải nuôi dưỡng 3 con, 2 cháu đi học xa nhà, còn 1 cháu đang học cấp III, ông D thì thường xuyên đi công tác xa.

Nay bà M có nguyện vọng đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện tốt nhất cho gia đình bà, cho bà thu xếp bán một căn nhà tại địa chỉ số nhà 40, tổ dân phố 21, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ để trả nợ cho Ngân hàng hoặc bàn giao cho Ngân hàng xử lý. Còn sổ đỏ căn nhà số 150, tổ dân phố 9, phường Him Lam bà M đã thế chấp vay Ngân hàng số tiền 1.700.000.000 đồng thì bà đã trả 300.000.000 đồng, chỉ còn nợ lại 1.400.000.000 đồng cộng thêm lãi nên bà M có nguyện vọng xin Ngân hàng cho gia đình bà trả một phần gốc trong tháng 2 và lãi theo quy định.

3. Ông Nguyễn Văn D không có văn bản trả lời thông báo thụ lý vụ án và không có mặt tại các buổi làm việc của Tòa án.

Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn (bà M) vẫn giữ nguyên yêu cầu

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 24/11/2020 Agribank nộp đơn khởi kiện về việc Tranh chấp về hợp đồng tín dụng tại Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên đối với bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn D có địa chỉ tại Tổ dân phố 09, phường H L, thành phố Đ b P, tỉnh Đ Biên. Ngày 26/11/2020 Ngân hàng đã nộp tạm ứng án phí theo Điều 146 Bộ luật tố tụng Dân sự và nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án, ngày 30/11/2020 Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng theo Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây gọi tắt là BLTTDS).

1.2. Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn D có địa chỉ tại Tổ dân phố 09, phường H L, thành phố Đ b P, tỉnh Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

1.3. Các vấn đề khác: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên đã thực hiện đúng qui định tại các Điều 177 BLTTDS, việc ông D không thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70 BLTTDS là do ông D đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Cho nên căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, đối chiếu với hồ sơ gốc tại phiên tòa thì:

[2.1] **Đối với yêu cầu trả nợ gốc và lãi: Có đủ căn cứ để xác định** giữa Ngân hàng A - Chi nhánh TP Đ B Pvới bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn D ký các Hợp đồng tín dụng như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 8912-LAV-201601152 ngày 15/7/2016 (đã ký giữa Ngân hàng A T P Đ B P- Phòng giao dịch Him Lam, số tiền vay: 1.700.000.000 đồng). Đã trả gốc: 300.000.000 đồng, đến ngày khởi kiện còn nợ gốc của Hợp đồng tín dụng trên là 1.400.000.000 đồng;

- Hợp đồng tín dụng số: 8912-LAV-201601938 ngày 15/11/2016 đã ký giữa Ngân hàng A T P Đ B Pvà bà: Nguyễn Thị M, số tiền vay: 300.000.000 đồng. Đã trả gốc: 150.000.000 đồng, đến ngày khởi kiện còn nợ gốc của Hợp đồng tín dụng trên là: 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng chẵn).

- Hợp đồng tín dụng số: 8912-LAV-201702012 ngày 09/11/2017 đã ký giữa Ngân hàng A T P Đ B Pvà bà: Nguyễn Thị M, số tiền vay: 550.000.000 đồng. Đã trả gốc: 100.000.000 đồng, đến ngày khởi kiện còn nợ gốc của Hợp đồng tín dụng trên là: 450.000.000 đồng (Bốn trăm lăm mươi triệu đồng).

- Hợp đồng tín dụng số: 8912-LAV-201801945 ngày 15/11/2018 đã ký giữa Ngân hàng A T P Đ B Pvà bà: Nguyễn Thị M, số tiền vay: 1.200.000.000 đồng. Đã trả gốc: 0 đồng, đến ngày khởi kiện còn nợ gốc của Hợp đồng tín dụng trên là: 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng chẵn).

[2.2] Các Hợp đồng trên được thực hiện bởi các Hợp đồng thế chấp tài sản sau:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 107/2015/HĐTC ngày 21/7/2015, Số công chứng 1919/2015. Quyển số 01-TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Xuân Phúc;

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 69/HĐTC ngày 05/11/2015. Số công chứng 3006/2015 Quyển số 01-TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Xuân Phúc;

Các Hợp đồng trên phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự, có hiệu lực pháp luật và các bên có nghĩa vụ thi hành.

Đối với Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 107/2015/HĐTC ngày 21/7/2015, Số công chứng 1919/2015. Quyển số 01-TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Xuân Phúc, được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Thành phố Điện Biên Phủ ngày 21/7/2015 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 69/HĐTC ngày 05/11/2015. Số công chứng 3006/2015, Quyển số 01-TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Xuân Phúc, được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Thành phố Điện Biên Phủ ngày 05/11/2015, bà M và ông D đã đồng ý thế chấp, Tài sản thế chấp là nhà + đất có địa chỉ tại: Tổ dân phố 09, phường H L, thành phố Đ b P, tỉnh Đ và Tổ dân phố 21, phường H L, thành phố Đ b P, tỉnh Đ. Việc thế chấp đã có xác nhận của Văn phòng công chứng Xuân Phúc, tỉnh Điện Biên và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Xét thấy, việc thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp Điều 317, 318 Bộ luật Dân sự. Hiện nay nhà + đất đang do bà M và ông D quản lý, sử dụng riêng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà M và ông D tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 107/2015/HĐTC ngày 21/7/2015, Số công

chứng 1919/2015 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 69/HĐTC ngày 05/11/2015. Số công chứng 3006/2015, đã ký giữa Ngân hàng với bà M và ông D. Trong trường hợp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý tài sản thế chấp trên để thu hồi tiền nợ của Ngân hàng nhưng bà M và ông D vẫn không đủ để hoàn thành nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng, thì bà M và ông D phải có trách nhiệm tiếp tục trả cho đến khi thanh toán dứt khoản nợ là có sơ sở.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà M và ông D đã vi phạm nội dung đã thỏa thuận trong các Hợp đồng, Agribank - Chi nhánh Điện Biên Phủ đã nhiều lần làm việc trực tiếp và có biên bản làm việc yêu cầu bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn D thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các Hợp đồng đã ký giữa hai bên, tuy nhiên bà M và ông D vẫn không thực hiện đúng như đã cam kết dẫn đến (các khoản vay) chuyển sang nợ quá hạn. Tại khoản 1 Điều 7 của Hợp đồng tín dụng số 8912LAV201601152; Hợp đồng tín dụng số 8912LAV201601938 ghi rõ Ngân hàng (Bên A) có quyền: *"Chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện Bên B (Khách hàng) cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm sự thật, vi phạm hợp đồng tín dụng; hợp đồng bảo đảm tiền vay"* và Khoản 1 Điều 10 của Hợp đồng tín dụng số 8912LAV201801945, Hợp đồng tín dụng số 8912LAV201702012 ghi rõ Ngân hàng (Bên A) có quyền: : "*Xem xét quyết định tạm dừng, chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn trong các trường hợp: Khi phát hiện bên B (Bên vay) có vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 9 hợp đồng này*". Vì vậy Ngân hàng có quyền khởi kiện yêu cầu bị đơn trả toàn bộ nợ gốc và lãi trước thời hạn đã giao kết trong hợp đồng và phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ theo lịch sử thanh toán nợ của bà M và ông D tại Ngân hàng thể hiện, tính đến thời điểm xét xử, bà M và ông D còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là: 3.200.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn và quá hạn (có bản kê kèm theo) như sau:

STT	**Số hợp đồng**	**Ngày vay**	**Nợ gốc đến 08/7/2021**	**Tổng lãi phải trả đến 08/72021**			**Số phải trả NH đến 08/7/2021**
				Lãi phải trả	**Lãi trong hạn (11.5 % Năm)**	Lãi quá hạn **(5.75%/Năm)**	
7	*2*	*3*	*4*	5= ố+7	*6*	7	8
1	8912LAV201601152	15/07/2016	1,400,000,000	427.225.000	392.661.111	34.563.889	1.827.225.000
2	8912LAV201601938	15/11/2016	150,000,000	54.121.875	39.722.917	14.398.958	204.121.875
3	8912LAV201702012	09/11/2017	450,000,000	130.863.699	117.536.301	13.327.398	580.863.699
4	8912LAV201801945	15/11/2018	1,200,000,000	328.427.397	313.430.137	14.997.260	1.528.427.397
	Tổng cộng		**3,200,000,000**	**940.637.971**	**863.350.466**	**77.287.505**	**4.140.637.971**

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà M và ông D phải trả số tiền nợ gốc và lãi trên là có cơ sở để chấp nhận theo khoản 2, Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 1 và điểm a khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự. Yêu cầu bà M và ông D phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi thỏa thuận tại khoản 1 Điều 3 Hợp đồng tín dụng

số: 8912LAV201601152, Hợp đồng tín dụng số: 8912LAV201601938 và khoản 3 Điều 7 của Hợp đồng tín dụng số: 8912LAV201801945, Hợp đồng tín dụng số: 8912LAV201702012 như sau: Lãi suất vay trong hạn: 11,5%; lãi suất quá hạn 17,25%/năm đối với số tiền nợ gốc quá hạn của các Hợp đồng tạm tính đến ngày xét xử 08/7/2021 và phải trả lãi nợ quá hạn với mức 17,25%/năm đối với số tiền gốc từ ngày 09/7/2021 cho đến khi thi hành án xong là có cơ sở để chấp nhận theo Điều 468, điểm b khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự.

[2.3] Ngân hàng không yêu cầu lãi chậm trả đối với số tiền lãi trong hạn, quá hạn, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[2.4] Các đương sự có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 107/2015/HĐTC ngày 21/7/2015, Số công chứng 1919/2015 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 69/HĐTC ngày 05/11/2015. Số công chứng 3006/2015, đã ký giữa Ngân hàng với bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn văn D. Trong trường hợp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý tài sản thế chấp trên nhưng bà M và ông D vẫn không đủ để hoàn thành nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng. Bà M và ông D phải có trách nhiệm tiếp tục trả cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Từ nhận định trên, HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

[3]. Về yêu cầu của bị đơn (bà M): Xét yêu cầu của bà M đưa ra là không có căn cứ, do vậy HĐXX không chấp nhận.

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 147 BLTTDS và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Bà Nguyễn Thị M phải chịu số là 56.070.319 đồng (*Năm mươi sáu triệu không trăm bảy mươi nghìn ba trăm mười chín đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Ông Nguyễn Văn D phải chịu số là 56.070.319 đồng (*Năm mươi sáu triệu không trăm bảy mươi nghìn ba trăm mười chín đồng)* án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ngân hàng A - Chi nhánh TP Đ B Pkhông phải chịu án phí. Trả lại cho Ngân hàng A - Chi nhánh TP Đ B Psố tiền là 54.671.566 đồng (*Năm mươi tư triệu sáu trăm bẩy mươi mốt nghìn năm trăm sáu mươi sáu đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đã nộp theo biên lai số AA/2020 0000401 ngày 26/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 317, 318, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự;

Khoản 2 Điều 91, khoản 1, khoản 2 Điều 95 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010 và Luật sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ Khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1**.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (*Tên viết tắt: Agribank*);

2. Hợp đồng tín dụng số 8912-LAV-201601152 ngày 15/7/2016; Hợp đồng tín dụng số: 8912-LAV-201601938 ngày 15/11/2016; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 107/2015/HĐTC ngày 21/7/2015; Hợp đồng tín dụng số: 8912-LAV-201702012 ngày 09/11/2017; Hợp đồng tín dụng số: 8912-LAV-201801945 ngày 15/11/2018; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 69/HĐTC ngày 05/11/2015, giữa Ngân hàng A T P Đ B Pvới bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn D có hiệu lực pháp luật là hợp pháp;

2.1. Bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn D có trách nhiệm trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam thông qua Ngân hàng A - Chi nhánh TP Đ B P khoản nợ gốc + nợ lãi đến hạn xét xử ngày 08/7/2021 tại các Hợp đồng sau: Hợp đồng số 8912-LAV-201601152 ngày 15/7/2016; Hợp đồng số 8912-LAV-201601938 ngày 15/11/2016; Hợp đồng tín dụng số: 8912-LAV-201702012 ngày 09/11/2017; Hợp đồng tín dụng số: 8912-LAV-201801945 ngày 15/11/2018 là **4.140.637.971**. đồng (*Bốn tỷ một trăm bốn mươi triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn chín trăm bảy mươi mốt đồng*), gồm:

- Tiền nợ gốc: **3.200.000.000** đồng (*Ba tỷ hai trăm triệu đồng*)

- Tiền nợ lãi của các Hợp đồng tạm tính đến hết ngày 08/7/2021 là: **940.637.971** đồng (*Chín trăm bốn mươi triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn chín trăm bảy mươi mốt đồng*); Trong đó; Lãi trong hạn: **863.350.466** đồng; Lãi quá hạn: 77.287.505 đồng; Chi tiết theo bảng tính lãi như sau:

Số hợp đồng	**Ngày vay**	**Nợ gốc đến 08/7/2021**	**Tổng lãi phải trả đến 08/72021**			**Số phải trả NH đến 08/7/2021**
			Lãi phải trả	**Lãi trong hạn (11.5 % Năm)**	Lãi quá hạn **(5.75%/Năm)**	
2	*3*	*4*	5= 6 +7	*6*	7	8
8912LAV201601152	15/07/2016	1,400,000,000	427.225.000	392.661.111	34.563.889	1.827.225.000
8912LAV201601938	15/11/2016	150,000,000	54.121.875	39.722.917	14.398.958	204.121.875
8912LAV201702012	09/11/2017	450,000,000	130.863.699	117.536.301	13.327.398	580.863.699
8912LAV201801945	15/11/2018	1,200,000,000	328.427.397	313.430.137	14.997.260	1.528.427.397
Tổng cộng		**3,200,000,000**	**940.637.971**	**863.350.466**	**77.287.505**	**4.140.637.971**

2. 1. Bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn D có trách nhiệm trả cho Agribank thông qua Agribank Chi nhánh thành phố Điện Biên Phủ, tiền lãi phát sinh

trên số tiền gốc theo các hợp đồng tín dụng nói trên từ ngày 09/7/2021 cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng đã ký cụ thể:

+ Lãi suất trong hạn là: 11,5%/năm;

+ Lãi suất quá hạn là: 17,25%/năm.

3. Bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn D có nghĩa vụ thực hiện Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 107/2015/HĐTC ngày 21/7/2015, tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 066305 do UBND thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên cấp ngày 26/10/2015. Số vào sổ cấp GCN: CH 28737, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố Điện Biên Phủ ngày 06/11/2015 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 69/HĐTC ngày 05 tháng 11 năm 2015, tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 066305 do UBND thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên cấp ngày 26/10/2015. Số vào sổ cấp GCN: CH 28737, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố Điện Biên Phủ ngày 06/11/2015.

4. Agribank không yêu cầu bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn D trả lãi chậm trả đối với số tiền lãi đã khởi kiện.

5. Về án phí:

5.1. Bà Nguyễn Thị M chịu số tiền là: 56.070.319 đồng (*Năm mươi sáu triệu không trăm bảy mươi nghìn ba trăm mươi chín đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ông Nguyễn Văn D chịu số tiền là: 56.070.319 đồng (*Năm mươi sáu triệu không trăm bảy mươi nghìn ba trăm mươi chín đồng*)án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

5.2. Tiền tạm ứng án phí: Agribank không phải chịu án phí. Trả lại cho Agribank số tiền là 54.671.566 đồng *(Năm mươi tư triệu sáu trăm bảy mươi mốt nghìn năm trăm sáu mươi sáu đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đã nộp theo biên lai số AA/2020/0000401 ngày 26/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (08/7/2021), đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

- VKSND TPĐBP;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- Lưu VP;
- Tòa án tỉnh ĐB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thương Huyền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Thương Huyền